

Bản án số: 04/2025/HS-PT

Ngày: 17 - 02 - 2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Nhum

*Các Thẩm phán:*

Ông Bùi Văn Bình

Bà Đinh Thị Quý Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:**  
Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 125/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo Lỗ Thị T, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N, Trần Văn T1, Phan Thị Kim H, Trương Quốc T2, Nguyễn Văn Q do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

**1. Lỗ Thị T**, sinh năm 1965 tại Vĩnh Phúc; tên gọi khác: không; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lỗ Văn L (đã chết) và bà Hà Thị S (đã chết); bị cáo có chồng tên Đào Viết L1, sinh năm 1964; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án; tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 15/8/2017, bị Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 tháng 09 ngày tù về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/02/2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Trương Thị Ngọc M**, sinh năm 1993 tại Bình Phước; tên gọi khác: không; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm

thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn D, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Trần Thị L2, sinh năm 1959; bị cáo có chồng tên Cao Xuân D1, sinh năm 1993; bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/02/2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**3. Nguyễn Thị Ánh N**, sinh năm 1990 tại Bình Phước; tên gọi khác: không; nơi cư trú: D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Trần Thị Ngọc T3, sinh năm 1964; bị cáo có chồng tên Phạm Hồng V, sinh năm 1989; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/02/2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**4. Trần Văn T1**, sinh năm 1981 tại Bến Tre; tên gọi khác: không; nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Hồ Kim L3, sinh năm 1940 (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/02/2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**5. Phan Thị Kim H**, sinh năm 1962 tại Bến Tre; tên gọi khác: Cô B1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nơi tạm trú: Số nhà D ĐT G, ấp A, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T4 (đã chết) và bà Nguyễn Thị A (đã chết); bị cáo có chồng tên Trần Văn H2, sinh năm 1961; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/6/2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**6. Trương Quốc T2**, sinh năm 1991 tại Bình Phước; tên gọi khác: không; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn D, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Trần Thị L2, sinh năm 1959; bị cáo có vợ tên Vương Thị P, sinh năm 1994; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 27/4/2018, bị Công an thị xã Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2024 đến ngày 29/02/2024 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**7. Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1988 tại Bình Phước; tên gọi khác: không; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Trần Thị Ngọc T3, sinh năm 1964; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Yến U, sinh năm 1993 (đã ly hôn năm 2021); bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/5/2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 06/02/2024, Lỗ Thị T đến tiệm tóc “Mai Mai” tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước do Trương Thị Ngọc M làm chủ. Khi đến tiệm tóc thì T gặp M và Nguyễn Thị Ánh N (em họ M), N rủ M và T đánh bạc bằng hình thức chơi bài cào liêng (liên) thắng thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Sau đó, T, M và N đi qua nhà bà Trần Thị L2 (mẹ của M ở kế bên) để đánh bạc. Lúc này, bà L2 ở phía sau nhà nên khi T, M, N qua nhà không thấy bà L2 thì đi vào phòng khách thấy trong phòng có sẵn bài tây do Vương Thị P (con dâu bà L2) mua về để gia đình chơi trong dịp Tết và chiếc chăn vải màu hồng nên đã sử dụng làm công cụ đánh bạc tại phòng khách. Khi chơi, T, M, N quy định mỗi ván bài liêng người chơi sẽ phải đặt cược tiền đường (tiền tẩy) 50.000 đồng cho tụ bài của mình. Sau khi xem bài, người chơi sẽ đặt cược tăng thêm tiền (tổ) hoặc úp bài (bỏ bài chấp nhận thua) đến khi không còn ai cược tiền nữa thì mở bài để xác định kết quả. Người chơi mở bài lớn nhất (theo quy luật bài liêng) thì thắng toàn bộ số tiền đặt cược. Trong một ván bài có số tiền đặt cược trên 1.000.000 đồng thì người thắng bỏ 50.000 đồng “tiền xâu” vào hộp đựng bài tây cho Vương Thị P để trả công nước uống và dọn dẹp khu vực đánh bạc. Việc T, M, N bàn bạc cho tiền công phục vụ thì P biết và đồng ý. Do T không mang đủ tiền mặt nên đã chuyển khoản 6.000.000 đồng cho Vương Thị P để lấy tiền mặt tham gia đánh bạc. Trong lúc 03 người đánh bạc thì P mang nước cho T, N, M uống.

Khoảng 14 giờ 30 phút, Phan Thị Kim H đến nhà bà L2, thấy T, N, M đánh bạc thì cũng vào tham gia. Chơi một lúc N hết tiền nên mượn Phình 1.000.000 đồng để chơi tiếp thì P đồng ý. Khoảng 30 phút sau, Trương Quốc T2 về nhà thấy mọi người đánh bạc nên cùng tham gia. Chơi 10 phút rồi nghỉ không chơi nữa. Khoảng 16 giờ, Nguyễn Văn Q đến nhà bà L2 chơi, thấy mọi người đánh bạc nên cùng tham gia. Khoảng 10 phút sau, Trần Văn T1 điều

khởi xe mô tô biển kiểm soát: 93P2 – 2555 đến nhà bà L2 chơi thấy T, M, N, H và Q đang đánh bạc thì cũng vào tham gia. Một lúc sau, Q thua hết tiền nên nghỉ chơi đi về.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, T, M, N, H, T1 chuyển địa điểm từ phòng khách xuống phòng bếp tiếp tục đánh bạc. Chơi khoảng 10 phút thì Ngô Anh P1 điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS: 93P2 – 779.86 đến nhà bà L2 thấy T, M, N, H, T1 đang đánh bạc. Cùng lúc này, H nghỉ chơi đi về nên P1 vào tham gia đánh bạc cùng T, M, N và T1. P1 chơi được một lúc thì thua hết tiền nên nhờ P đổi 5.000.000 đồng tiền mặt (bằng hình thức chuyển khoản) thì P đồng ý.

Khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, khi T, M, N, T1, P1 đang đánh bạc, T2 đang ngồi xem đánh bạc, thì bị Cơ quan Công an kiểm tra. Tìm thấy Công an thì sợ nên chốt cửa phòng bếp rồi thông báo cho T, M, N, T1 và P1 trốn vào phòng ngủ của nhà bà L2. Trong lúc trốn, T cất giấu 3.350.000 đồng trên người; N cất giấu 450.000 đồng nhưng không nhớ vị trí; T1 cất giấu 3.370.000 đồng trong giỏ xách bằng nhựa màu hồng, P1 cất giấu 15.300.000 đồng trên nóc tủ gỗ ở khu vực hành lang. Cơ quan Công an đã mời T, N, T1, P1, T2, P lên làm việc; riêng M trốn thoát được cầm theo 1.000.000 đồng tiền đánh bạc. Ngày 07/02/2024, M đến Công an xã T làm việc.

Qua làm việc, T, M, N, T1, P1, T2, P thừa nhận toàn bộ hành vi đánh bạc như trên. T khai nhận bỏ ra số tiền 6.350.000 đồng để đánh bạc. M khai nhận bỏ ra số tiền 740.000 đồng để đánh bạc, N khai nhận bỏ ra số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, H khai nhận bỏ ra số tiền 500.000 đồng để đánh bạc và thua hết, T2 khai nhận bỏ ra số tiền 2.800.000 đồng để đánh bạc, thắng bạc 2.900.000 đồng. Q khai nhận bỏ ra số tiền 350.000 đồng và thua hết, T1 khai nhận bỏ ra số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, thắng bạc 300.000 đồng, P1 khai nhận bỏ ra số tiền 6.200.000 đồng để đánh bạc, thắng bạc 9.100.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo thừa nhận sử dụng để đánh bạc là 22.940.000 đồng, tuy nhiên quá trình thu giữ tang vật, vật chứng của vụ án, Cơ quan Công an thu giữ trên người của các bị cáo và xung quanh khu vực các bị cáo đánh bạc số tiền tổng cộng 35.710.000 đồng (trong đó số tiền các bị cáo khai không sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.270.000 đồng) nên số tiền đánh bạc các bị cáo phải chịu trách nhiệm là 29.440.000 đồng.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước quyết định:*

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lỗ Thị T, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N, Trần Văn T1, Phan Thị Kim H, Trương Quốc T2, Nguyễn Văn Q phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lỗ Thị T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Quốc T2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2024 đến ngày 29/02/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh N 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Ngọc M 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Kim H 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ tính từ ngày bắt thi hành án.

### 3. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung các bị cáo Lỗ Thị T, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N, Trần Văn T1, Phan Thị Kim H, Nguyễn Văn Q và Trương Quốc T2 mỗi bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/10/2024, các bị cáo Lỗ Thị T, Phan Thị Kim H, Trần Văn T1 có đơn kháng cáo xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tiền.

Ngày 10/10/2024, các bị cáo Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N, Trương Quốc T2, Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt theo hướng chuyển qua hình phạt tù thành hình phạt tiền.

### *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo Lỗ Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp hồ sơ khám bệnh và đơn thuốc tại Công ty TNHH Y.

Các bị cáo Phan Thị Kim H, Trần Văn T1, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N, Trương Quốc T2, Nguyễn Văn Q thay đổi yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo; bị cáo H cung cấp Thông báo của Công an xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú của bị cáo H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo thay đổi kháng cáo xin được hưởng án treo là trong phạm vi kháng cáo nên được xem xét, giải quyết.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

Vào ngày 06/02/2024, các bị cáo Lỗ Thị T, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N, Trần Văn T1, Ngô Anh P1, Phan Thị Kim H, Trương Quốc T2, Nguyễn Văn Q đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức bài cào liêng thắng thua bằng tiền với tổng số tiền đánh bạc là 29.440.000 đồng tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vương Thị P có hành vi giúp sức cho T, M, N, T1, P1, H, T2, Q đánh bạc để hưởng lợi số tiền 1.050.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Lỗ Thị T, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N, Trần Văn T1, Phan Thị Kim H, Trương Quốc T2, Nguyễn Văn Q phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tiền của bị cáo Lỗ Thị T, thấy rằng:

Trong quá trình điều tra truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt 03 tháng 09 ngày tù về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ thái độ coi thường pháp luật, không có ý thức sửa đổi. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ, hậu quả hành vi mà các bị cáo gây ra, xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và quyết định hình phạt 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm hồ sơ khám bệnh và đơn thuốc của bị cáo tại Công ty TNHH Y, tuy nhiên những căn bệnh của bị cáo không nghiêm trọng đến mức phải nhập viện điều trị hay nếu bắt bị cáo đi thi hành án sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, trong khi đó bị cáo có nhân thân xấu nên kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần

giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Phan Thị Kim H, Trần Văn T1, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N, Trương Quốc T2, Nguyễn Văn Q, thấy rằng:

[4.1] Đối với bị cáo Trương Quốc T2. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo hiện đang nuôi 02 con nhỏ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, không có ý thức sửa đổi nên Toà án sơ thẩm áp dụng hình phạt tù để bị cáo có thể cải tạo thành người có ích là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ, hậu quả hành vi mà các bị cáo gây ra, xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo là phù hợp nên kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Đối với các bị cáo Phan Thị Kim H, Trần Văn T1, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N và Nguyễn Văn Q. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài ra, các bị cáo còn có thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo Q đầu thú; các bị cáo N, M, Q hiện đang trực tiếp nuôi con nhỏ; gia đình bị cáo T1 có công với cách mạng và bị cáo là người trực tiếp thờ cúng Liệt sĩ, bị cáo H là người cao tuổi. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra để xem xét cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức án 03 (ba) tháng tù đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo H, T1, M, N và Q mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có nhân thân tốt, hiện bị cáo Q phải trực tiếp nuôi ba con nhỏ, các bị cáo M và N đều phải chăm con nhỏ do chồng làm nghề lái xe, giao hàng thường xuyên vắng nhà, bị cáo T1 là người trực tiếp thờ cúng liệt sĩ, bị cáo H già yếu nên việc bắt các bị cáo chấp hành án, cách ly khỏi đời sống xã hội là không cần thiết mà chỉ cần giao về cho địa phương quản lý, giáo dục nhằm cho các bị cáo cơ hội tự cải tạo cũng như cho thấy sự khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho các bị cáo được hưởng án treo.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với một phần với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Lỗ Thị T và Trương Quốc T2 không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu; kháng cáo của các bị cáo Phan Thị Kim H, Trần Văn T1, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N và Nguyễn Văn Q được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tiền của các bị cáo Lỗ Thị T; không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trương Quốc T2.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với các bị cáo Lỗ Thị T và Trương Quốc T2.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Phan Thị Kim H, Trần Văn T1, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N, Trương Quốc T2, Nguyễn Văn Q.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với các bị cáo Phan Thị Kim H, Trần Văn T1, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N, Nguyễn Văn Q.

1. Tuyên bố các bị cáo Lỗ Thị T, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N, Trần Văn T1, Phan Thị Kim H, Trương Quốc T2, Nguyễn Văn Q phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lỗ Thị T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trương Quốc T2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2024 đến ngày 29/02/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 54, 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh N 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Ngọc M 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Kim H 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.*

### 3. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung các bị cáo Lỗ Thị T, Trương Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ánh N, Trần Văn T1, Phan Thị Kim H, Nguyễn Văn Q và Trương Quốc T2, mỗi bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lỗ Thị T và Trương Quốc T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- CQTHAHS CA huyện Đ;
- CQĐT CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các bị cáo;
- UBND phường T, Tp. T, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước;
- UBND xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS. (35)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Văn Nhum**